

HỌC VIỆN THÁNH GIUSE – DÒNG TÊN VIỆT NAM

Bộ môn: Triết Tôn giáo

Giáo sư: Giuse Vũ Uyên Thi, S.J.

**HÀNH VI TÔN GIÁO TRONG TÁC PHẨM *ON THE ETERNAL IN MAN*
CỦA MAX SCHELER**

Học viên thực hiện

Giuse Nguyễn Văn Chiến, S.J.

Tháng 4 năm 2023

Đại ý: Đối với Max Scheler, trong tác phẩm *On the Eternal in Man*, hành vi tôn giáo trở thành đối tượng nghiên cứu, và có thể cung cấp một bản mô tả các phẩm chất và điều kiện thiết yếu của kinh nghiệm tôn giáo, cụ thể hơn là chính sự mặc khải. Chính nơi hành vi tôn giáo, với phương thức mặc khải, với cái “đã cho” (*given-ness*) mà Scheler sẽ loại bỏ đi những thành kiến triết học hay cản trở của các nhà tư tưởng hiện đại đối với những gì được coi là một kinh nghiệm hoặc những gì là bằng chứng, để trả lại cho con người nơi hành vi tôn giáo một nhiệm vụ đích thực là nhiệm vụ khám phá hay làm thế nào để tìm thấy Chúa.

Từ khóa: Max Scheler, hành vi tôn giáo, tính ý hướng (*intention*), thần linh (*divine*), đã cho.

Nội Dung

Dẫn nhập	3
1. Hành vi tôn giáo	3
1.1. Đặc tính nội tại của hành vi tôn giáo.....	3
1.2. Bản chất của hành vi tôn giáo	5
<i>a. Đặc tính siêu vượt thế giới của “ý hướng” của chính nó</i>	5
<i>b. Chỉ có thần linh mới hoàn thành ý hướng của nó</i>	6
<i>c. Chỉ được hoàn thành thông qua việc đón nhận một loại “thực thể” thiêng liêng đang tự mặc khải</i>	6
2. Sự tồn tại của Thiên Chúa	7
2.1. Bác bỏ thành kiến thứ nhất.....	7
2.2. Bác bỏ thành kiến thứ hai.....	8
3. Con người không thể tránh hành vi tôn giáo	9
4. Một vài nhận xét	10
Thư mục tham khảo	13

Dẫn nhập

Kế thừa phương pháp hiện tượng luận của Husserl, Max Scheler đã áp dụng phương pháp này cho việc khảo cứu về tôn giáo. Trong tác phẩm *On the Eternal in Man* (OEM) – *Sự Vĩnh Cửu Nơi Con Người*, Scheler bàn đến hiện tượng học về kinh nghiệm tôn giáo. Về kinh nghiệm này, ông không quan tâm đến việc mô tả và tập trung vào những gì “có nghĩa là” trong kinh nghiệm tôn giáo; cũng không quan tâm tới việc chứng minh “Liệu Chúa có tồn tại hay không,” nhưng quan tâm tới “ý nghĩa” của tôn giáo được kinh nghiệm trong hành vi tôn giáo, hay cụ thể hơn là “tính ý hướng” (*intention*) nơi hành vi tôn giáo.¹ Hành vi tôn giáo trở thành đối tượng nghiên cứu, và có thể cung cấp một bản mô tả các phẩm chất và điều kiện thiết yếu của kinh nghiệm tôn giáo, cụ thể hơn là chính sự mặc khải. Chính nơi hành vi tôn giáo, với phương thức mặc khải, với cái “đã cho” (*given-ness*) mà Scheler sẽ loại bỏ đi những thành kiến triết học hay cản trở của các nhà tư tưởng hiện đại đối với những gì được coi là một kinh nghiệm hoặc những gì là bằng chứng,² để trả lại cho con người nơi hành vi tôn giáo một nhiệm vụ đích thực là nhiệm vụ khám phá hay làm thế nào để tìm thấy Chúa?³

1. Hành vi tôn giáo

1.1. Đặc tính nội tại của hành vi tôn giáo

Scheler cho rằng, những ý hướng của tâm trí con người có thể được mô tả hoàn toàn nội tại là không đủ để phân biệt chúng với “tôn giáo.” Bất cứ sự khách quan hóa đối tượng nào, nếu đó là Chúa thì Chúa chỉ là một phương pháp “đường vòng”⁴ để tăng cường đời sống tôn giáo; mà nếu không phải Chúa thì đó là những chuyến du ngoạn vòng quanh và đi lạc xa sự thật đến mức coi “đường vòng” là điểm đến đều là sai lầm. Vì thế, từ hình thức có lẽ là cực đoan nhất của chủ nghĩa chủ quan tôn giáo, việc tìm cách gán cho hành vi tôn giáo một đặc

¹ Conservative Judaism, (New York: Rabbinical Assembly, etc., 1962), Vol 1, no. 2-3, 87-88.

² Max Scheler, *On the Eternal in Man*, (USA: Routledge, 2017), 255.

³ Ibid., 260.

⁴ Đường vòng (*detour*): Scheler cho rằng, những ý hướng của tâm trí con người là hoàn toàn nội tại thì không đủ phân biệt chúng với tôn giáo. Đối với những người coi đó là hoàn toàn nội tại như Gerg Simmel... thì ý tưởng về Thiên Chúa chỉ là một trong những “sự khách quan hóa” (của tâm trí con người) có thể xảy ra. Và như thế, thì ý tưởng về Chúa chỉ là một cách thức/phương thế để phục vụ cho sự khách quan hóa hay khả năng hình dung của tâm trí con người thôi, chứ không nhìn nhận ý tưởng về Thiên Chúa phải là một sự gắn bó trong tương quan. Tóm lại, đường vòng là việc con người sử dụng ý tưởng về Thiên Chúa đơn thuần là hình dung, khách quan hóa đối tượng như là khởi điểm và lại coi đó là mục đích để tăng cường đời sống tôn giáo. Khi đạt được mục đích, thì có lẽ ý tưởng về Thiên Chúa sẽ không cần nữa. Như thế, Scheler cho rằng: đường vòng thông qua ý tưởng về Thiên Chúa mà đời sống tôn giáo phải hình thành cách nội tại là không cần thiết, và không thể tưởng tượng được.

tính “nội tại” cơ bản thuần túy là hoàn toàn sai lầm.⁵ Vậy đâu là những đặc tính nội tại của hành vi tôn giáo?

Theo Scheler, cần phải mô tả đặc tính nội tại của hành vi tôn giáo bằng việc hành vi tôn giáo phải được tách biệt rõ ràng nhất khỏi tâm lý học: (1) Hành vi tôn giáo có “bản thể” (*essence*) đích thực của riêng nó, tương ứng với đối tượng của nó như là hình thức thiết yếu để lĩnh hội nó; nó xảy ra ở mọi người và thuộc về vũ trụ của con người; (2) Nó đảm nhận một sự nhất quán về ý nghĩa mà không bắt nguồn từ sự nhất quán nào khác, hơn nữa, nó có những điều kiện nghiêm ngặt và có thể lập thành công thức về sự hoàn thành hay không hoàn thành có tính hiển nhiên hay tự chứng minh (*self-evident*).⁶

Làm sao những đặc tính nội tại trên có thể đúng? Scheler cho rằng, vì mọi người đều sở hữu chung “một loại hành vi thiết yếu” (*an essential class of acts*) có thể được chứng minh theo tiến trình sau: (1) Về bản chất, những hành vi này thuộc loại “cấu thành” nên một phần của ý thức con người. (2) Nhưng lại không thuộc về ý thức con người, vì nó là một ý thức “hữu hạn.” Do đó, (3) hành vi tôn giáo không thể được xác định hay đánh đồng với những mong muốn, nhu cầu đơn thuần dưới bất kì hình thức nào vốn chỉ hình dung các loại đối tượng thường nghiệm, mà bản thân hành vi tôn giáo có ý hướng coi “một địa hạt bản thể” (*realm of essences*) hoàn toàn khác với đối tượng thường nghiệm và “lý tưởng.” (4) Hành vi tôn giáo không thể bắt nguồn từ quan hệ nhân quả tâm lý cũng như không thể được coi là hoàn thành mục đích nào đó trong quá trình sống, tâm trí con người như được điều chỉnh và hướng tới một thực tại siêu nhiên khác hẳn về “bản thể” với thực tại tự nhiên thường nghiệm. (5) Hành vi tôn giáo tuân theo một qui luật nội tại tự trị với chính nó, nên nó không thể được nắm bắt từ kiến thức của quan hệ nhân quả tâm linh thường nghiệm, về “bản thể” thì nó cũng khác hẳn với nhu cầu con người – vốn dẫn đến sự sáng tạo tưởng tượng những thứ hư cấu. (6) Hành vi tôn giáo không phải hiện tượng tâm linh hình thành và tan rã bên trong chúng theo qui luật tâm linh tự nhiên. Chúng không đơn thuần là sự chia nhỏ hay kết hợp của các nhóm hành vi có ý hướng tinh thần khác, như hành vi logic, đạo đức, thẩm mỹ.⁷

Tuy vậy, cái nào có thể trở thành chất liệu để hình thành các khái niệm logic, để phán đoán và suy luận, cũng như để đánh giá, ước lượng và thẩm định về mặt đạo đức và thẩm mỹ? Scheler cho rằng, chính là cái “đã cho” trong hành vi tôn giáo, mà mặc khải là một phương thức đặc biệt của nó. Tất cả chúng được rút ra từ bản chất của tôn giáo chứ không phải từ bất

⁵ Ibid., 246-247.

⁶ Ibid., 247.

⁷ Ibid., 248-249.

kỳ tập hợp qui tắc ngoài tôn giáo nào (*extra-or sub-religious*).⁸ Đi tìm hiểu bản chất của mặc khải cũng là đi tìm bản chất của hành vi tôn giáo, vì mặc khải chỉ có trong hành vi tôn giáo. Vậy, đâu là bản chất của hành vi tôn giáo?

1.2. Bản chất của hành vi tôn giáo

Trước tiên, Scheler cảnh báo con người phải loại bỏ ngay sai lầm là việc qui chiếu đến “một năng lực tâm linh” (*psychic aptitude*) hay những hiện tượng tâm linh căn bản. Vì tôn giáo như là tư tưởng và nhận thức tôn giáo nền tảng cũng như là một loại của cảm nghĩ (giá trị) đặc biệt, của một sự diễn tả (được qui định trong ngôn ngữ tôn giáo, cầu nguyện và phụng vụ), của ý muốn và hành vi (trong việc phục vụ Chúa và luân lý tôn giáo).⁹ Mặc dầu các hiện tượng tâm linh căn bản khác có thể chứng minh được là hành vi có ý hướng như hành vi tôn giáo. Tuy nhiên, chúng không thể khám phá ra sự thống nhất có “ý hướng.” Chỉ có hành vi tôn giáo mới (1) tự tạo thành một sự thống nhất, (2) thực hiện một tương quan tiềm ẩn của chính nó, (3) thuộc về nó như sự hoàn thành của chính nó. Cụ thể hơn, Scheler nêu ra ba đặc điểm không thể nhầm lẫn của hành vi tôn giáo và có giá trị “chẩn đoán” giúp phân biệt nó với các hành vi khác: (a) đặc tính siêu vượt thế giới của “ý hướng” của chính nó, (b) chỉ có “thần linh” (*divine*) mới có thể hoàn thành ý hướng của nó, (c) chỉ được hoàn thành thông qua việc đón nhận một loại “thực thể” thiêng liêng đang tự mặc khải và trao hoặc “dâng hiến chính mình cho con người.”

a. Đặc tính siêu vượt thế giới của “ý hướng” của chính nó

Theo Scheler, để hành vi tôn giáo có thể diễn ra và chúng ta có quyền nói về nó, thì cần hai điều. Thứ nhất, nó cần diễn ra trong một ý tưởng về “thế giới.” Thế giới bao gồm những sự vật, sự kiện và tất cả những thứ thuộc loại hữu hạn và ngẫu nhiên – những thứ được con người kinh nghiệm, tất cả chúng được tập hợp lại thành một tổng thể duy nhất, bao gồm cả chính con người của chủ thể. Thứ hai, mục đích của nó là sự siêu vượt ra khỏi những thứ hữu hạn. Vì siêu vượt là một đặc thù của mọi ý hướng có ý thức, nghĩa là nó có khuynh hướng vượt lên trên những quan điểm thường nghiệm và đồng thời nhận thức được sự tồn tại của đối tượng vượt ra ngoài nội dung thường nghiệm của ý hướng. Và chỉ nơi nào mà sự vật được siêu vượt như thế mới là thế giới xét như là tổng thể. Như vậy, hành vi tôn giáo chỉ có thể hình thành khi nó được liên kết với “cái toàn thể” trong một cách thức đặc biệt, mà cái toàn thể xuất hiện như cái được

⁸ Ibid., 249.

⁹ Ibid., 249.

tượng trưng trong nó.¹⁰ Đặc tính của hành vi tôn giáo là siêu vượt thế giới, vậy nó siêu vượt thế giới để hướng tới cái gì? Và cái gì hoàn thành ý hướng cho nó?

b. Chỉ có thần linh mới hoàn thành ý hướng của nó

Không một đối tượng hữu hạn nào thuộc về hay tự cấu tạo nên thế giới này, không một điều thiện hữu hạn nào, không có đối tượng được yêu hữu hạn nào có thể hoàn thành được ý hướng của hành vi tôn giáo. Ngay cả thuyết phiếm thần cũng phải thừa nhận điều này, vì chính chúng cũng chưa bao giờ tuyên bố thế giới hữu hạn này là đối tượng của sự tôn sùng tôn giáo. Hành vi tôn giáo không thể được hoàn thành bên trong thế giới.¹¹ Tuy nhiên, với trí tưởng tượng có thể hỗ trợ, giúp con người hình dung ra một hữu thể khác với hữu thể hữu hạn, hướng tới một điều gì đó mà không điều thiện hữu hạn nào thay thế được. Nó là điều mà con người chưa bao giờ kinh nghiệm và cũng không bao giờ có thể kinh nghiệm được. Tuy nhiên, con người hy vọng nó. Trong hành vi tôn giáo, cả trái tim và trí óc, tính khí và ý muốn của con người đều cho thấy rằng, chính chúng được hướng dẫn tới một điều gì đó đang “là” (*is*) và có giá trị, một điều gì đó lơ lửng trước tâm trí con người chống lại mọi kinh nghiệm thế giới có thể có như một điều gì đó không thể so sánh về bản thể và hoàn toàn khác biệt, mà điều thiện và thực thể hữu hạn không thể có.¹²

Scheler phải thừa nhận rằng, không thể nêu rõ ra được đối tượng của hành vi tôn giáo là gì. Nhưng trong chừng mực cố gắng, bằng những từ như “không thể tả được, không thể diễn tả, vô hạn, vô lượng” để mô tả nội dung của đối tượng tôn giáo. Những gì “thuộc về” hành vi tôn giáo vẫn luôn là một nội dung tôn giáo chắc chắn hoặc tích cực.¹³ Hành vi tôn giáo chỉ có thần linh mới hoàn thành ý hướng của nó, vậy nó được hoàn thành bằng cách nào?

c. Chỉ được hoàn thành thông qua việc đón nhận một loại “thực thể” thiên liêng đang tự mặc khải

Hành vi tôn giáo là hành vi có ý hướng, khác với tất cả các hành vi nhận thức khác, gồm cả siêu hình, nên nó đòi một câu trả lời dứt khoát, đó là hành vi có qua có lại (*act of reciprocity*) từ chính đối tượng tới những gì mà ý hướng của nó hướng đến thông qua sự mặc khải. Nói khác đi, hành vi tôn giáo được hoàn thành khi con người “đón nhận” (*receive*) đối tượng mang “hình thức nhân vị thần linh” (*divine personal form*) và sự mặc khải (từ đối tượng này) để hoàn thành hành vi tôn giáo và ý hướng của nó. Như vậy, hành vi tôn giáo diễn tả một

¹⁰ Ibid., 250-251.

¹¹ Ibid., 252.

¹² Ibid., 251-253.

¹³ Ibid., 253.

tương quan hai chiều: thần linh hướng đến con người và mặc khải cho con người chứ không phải là một đấng siêu hình, con người trong chừng mực của mình vươn lên và đón nhận mặc khải.¹⁴

Scheler còn đi xa hơn khi phân tích về bản chất và cách thức của mặc khải để phân biệt tôn giáo tự nhiên với tôn giáo tích cực. Nơi tôn giáo tự nhiên thì sự mặc khải là chung, có thể tiếp cận mọi lúc mọi nơi cho mọi người. Nơi tôn giáo tích cực, thì sự mặc khải nhấn mạnh tương quan kinh nghiệm đặc biệt và siêu phàm với Chúa. Vì vậy, không được đánh đồng mặc khải cách chung với mặc khải “tích cực” và được lưu truyền qua con người. Scheler đã đưa ra định nghĩa về mặc khải như sau: “Trong ý nghĩa rộng nhất của nó, mặc khải chỉ đơn giản là cách thức, tương quan chặt chẽ với bản chất của hành vi tôn giáo, mà trong đó một thực tại có tính chất thiêng liêng được trao cho ý thức con người.”¹⁵

Tuy vậy, Scheler cũng không quên cảnh báo con người rằng, con người có thể là nạn nhân của những ảo tưởng và sai lầm.¹⁶ Phải chăng một thực thể thiêng liêng đang tự mặc khải kia mà con người đón nhận cũng là một sự ảo tưởng và sai lầm? Hay làm sao con người biết được đó là một kinh nghiệm thật mà không phải là ảo tưởng hay chủ quan?

2. Sự tồn tại của Thiên Chúa

Scheler cho rằng, vì cái “đã cho” của thần linh chính là sự chứng minh của nó. Thần linh cùng mọi thứ liên quan đến thần linh là được “cho” trong các hành vi tôn giáo và chỉ cần kích thích và kích hoạt các hành vi tôn giáo ấy trong chính tâm trí con người thôi. Cho nên, không cần chứng minh kinh nghiệm trên hay sự tồn tại của Thiên Chúa bằng “bằng chứng” (*proofs*). Cụ thể, Scheler sẽ phân biệt ý nghĩa của ba từ *Beweis*, *Aufweis*, *Nachweis* trong tiến trình lập luận bác bỏ hai thành kiến triết học đối với “điều được chứng minh” (*demonstrandum*) như một sự vật đang tồn tại và hiện hữu, vốn được trực giác trong các hành vi tôn giáo.¹⁷ Từ đó, khẳng định được: từ sự tồn tại của hành vi tôn giáo hay khuynh hướng tôn giáo của con người, mà có thể “suy ra” (*inferred*) sự tồn tại của Thiên Chúa.

2.1. Bác bỏ thành kiến thứ nhất

Thành kiến đầu tiên liên quan đến cái “đã cho.” Thành kiến này cho rằng: chỉ những gì dựa trên kinh nghiệm (nếu được, nó là kinh nghiệm giác quan) mới có thể được coi là “đã cho,” chính xác hơn như là đã cho từ ban đầu - dữ liệu sơ cấp. Tuy nhiên, sai lầm của thành kiến này

¹⁴ Ibid., 253-254.

¹⁵ Ibid., 254.

¹⁶ Ibid., 255.

¹⁷ Ibid.

là ngay từ đầu đã thiết lập một quy trình có phương pháp quá hẹp hòi để loại trừ khái niệm kinh nghiệm – đánh đồng toàn thể kinh nghiệm với một loại kinh nghiệm cụ thể, và từ chối công nhận như là dữ liệu sơ cấp bất cứ điều gì mà không thể qui giản xuống thành loại này.¹⁸

Từ việc xem xét các bài học chung về hiện tượng học, tâm lý học thường nghiệm, tri thức luận, con người phải thừa nhận rằng: cái “đã cho” thì phong phú vô cùng so với phần của nó tương ứng trong kinh nghiệm giác quan. Kinh nghiệm giác quan không là kinh nghiệm duy nhất và sơ cấp nhất. Chúng không tạo ra nhận thức và kinh nghiệm, mà chỉ đơn thuần là phân tích chính chúng. Cho nên mệnh đề triết học cổ “Mọi thứ có trong trí tuệ, phải có trước trong giác quan” hoàn toàn bị mất uy tín.

2.2. Bác bỏ thành kiến thứ hai

Thành kiến thứ hai hệ tại ở sự thiếu hiểu biết về những giới hạn của nhận thức và kiến thức “có thể chứng minh được.” Theo Scheler, có hai loại triết học lý thuyết là trở ngại lớn nhất cần phải bác bỏ là: chủ nghĩa kinh nghiệm duy cảm, chủ nghĩa thực chứng; và hệ thống của I.Kant. Hai chủ nghĩa trên đi truy tìm nguồn gốc của tất cả nội dung của kinh nghiệm trở lại với dữ liệu giác quan và các dẫn xuất của nó. Kant thì tiếp thu một cách thiếu phê phán nên cho rằng chỉ có cảm giác là “đã cho,” và vội kết luận bất kỳ cảm giác hay siêu cảm giác nào của kinh nghiệm đều không là dữ liệu cơ sở, mà là sản phẩm do trí tuệ tổng hợp. Nhưng ngày nay, các dữ liệu như tham chiếu, hiệu ứng, chuyển động, v.v., là dữ liệu thực chứ không phải được xây dựng cách có ý thức hay vô thức, cũng không phải là sản phẩm do trí tuệ tạo ra.¹⁹ Vậy nên, hai hệ thống trên không thể có chỗ đứng trong hành vi tôn giáo.

Nếu có phải chứng minh tính dữ liệu sơ cấp của bản chất tôn giáo, thì phải thừa nhận rằng: phạm vi của các hiện tượng được tiết lộ cho tâm trí trong hành vi tôn giáo, phạm vi của thần linh và của các thực tại chung chứa đựng trong nó là dữ liệu cơ sở mà không thể rút ra từ bất cứ điều gì khác. Do đó, không thể có vấn đề về việc “chứng minh” sự tồn tại của toàn bộ lĩnh vực tôn giáo bằng cách suy luận từ các sự kiện khác của thế giới bên ngoài. Việc quá nhân mạnh vào bằng chứng như vậy là hiểu sai về nguyên tắc những giới hạn của bằng chứng và mức độ hiệu lực của chúng.²⁰

Sau khi bác bỏ hai thành kiến trên, thì đối với Scheler, việc dạy cách “khám phá” ra Thiên Chúa là điều quan trọng và cao hơn việc chứng minh sự tồn tại của Ngài. Bằng chứng

¹⁸ Ibid., 256.

¹⁹ Ibid., 257.

²⁰ Ibid., 258.

về Thiên Chúa thực sự là những giải thích về cách ý thức tôn giáo “tiến triển” trên con đường đến với Ngài, và “cách” đạt được mục tiêu trên con đường này. Vì thế, nhiệm vụ của con người là khám phá ra các qui luật gắn liền với tiến trình của ý thức tôn giáo nơi hành vi tôn giáo. Một lần nữa, logic khám phá là một thứ khác hẳn với logic chứng minh. Logic khám phá này được Scheler phân tích qua hai từ *Aufweis*, *Nachweis*. Chúng khác hẳn với *Beweis* – bằng chứng (*proof*) theo logic chứng minh. *Nachweis* nghĩa là học cách khám phá lại theo qui tắc một thứ đã được phát hiện trước đó. *Aufweis* hoặc “sự tiết lộ” là một sự biểu lộ sơ khởi của một thứ chưa được khám phá. Nó có ý nghĩa như kim chỉ nam mà nhờ đó con người được thu hút sự chú ý tới một sự vật, hoặc làm cho nó có thể thấy được. Do đó, bản chất và sự tồn tại của Thiên Chúa dễ bị ảnh hưởng bởi *Nachweis* và *Aufweis*.²¹

3. Con người không thể tránh hành vi tôn giáo

Theo Scheler, hành vi tôn giáo là một “tài sản” thiết yếu của tâm trí và linh hồn con người. Mọi tinh thần hữu hạn đều tin vào Chúa hoặc ngẫu tượng. Cho nên, câu hỏi đặt ra là liệu con người có đi tìm đối tượng thích hợp, hay hình dung ra một đối tượng là thần linh hay không, chứ không phải là có thực hiện hay không?²² Từ đây, vấn đề được đặt ra tiếp theo là, làm sao để giúp con người tin vào Chúa chứ không phải ngẫu tượng?

Scheler đề nghị một phương pháp sư phạm tôn giáo đúng đắn là: không phải hướng dẫn một người đến với ý tưởng về Chúa bằng lập luận bằng chứng hay thuyết phục, mà là chỉ ra cho người ấy thấy rằng họ đã lầm khi thiết lập một cái tốt hữu hạn thay cho Chúa, đã thần linh hóa một điều tốt hữu hạn. Phương pháp này được gọi là “phá đổ thần tượng”, và chuẩn bị cho sự phát triển tôn giáo của nhân vị. Phương pháp này phải đi trước bất cứ loại hướng dẫn nào liên quan đến tôn giáo, không phải là bằng chứng, mà là đánh thức và kích hoạt hành vi tôn giáo.²³ Như thế, mỗi con người là đi tìm kiếm Chúa, sau khi đã thoát khỏi tình trạng lang thang giữa các ngẫu tượng và đã phá đổ chúng. Con người được đưa dẫn vào một tương quan độc nhất vô nhị với Chúa, một mối tương quan được hình thành bởi hành vi thiêng liêng gọi là đức tin (*faith*).²⁴

Theo nghĩa này, thì phải thừa nhận rằng: về bản chất, ý thức hữu hạn của con người sở hữu một phạm vi những giá trị và thực thể tuyệt đối có tương quan, chứa đựng điều tốt mà con người đặt đức tin của mình vào. Con người thấy rằng, chính hạt nhân của sự tồn tại và giá trị

²¹ Ibid., 260.

²² Ibid., 267.

²³ Ibid., 267-268.

²⁴ Cần phân biệt đức tin (*faith*) và niềm tin (*belief*): đức tin là niềm tin vào một điều gì đó, còn niềm tin là tin rằng một điều gì tồn tại, đã xảy ra hay xảy ra.

của họ gắn chặt với đối tượng của đức tin, đến mức họ cam kết với đối tượng đó, đồng nhất với nó. Điều này hoàn toàn phù hợp với vị trí của đối tượng trong phạm vi cái tuyệt đối.²⁵ Từ đây, con người “cần” phải có một “đối tượng của đức tin” và phải thực hiện hành vi đức tin. Nghĩa là, con người giờ đây không còn lựa chọn giữa việc có hay không có điều tốt nữa, mà chỉ có thể chọn xem phạm vi tuyệt đối của mình sẽ là nơi sinh sống là Chúa như một điều tốt tương xứng với hành vi tôn giáo, hay là một ngẫu tượng.²⁶

Với Scheler:²⁷ Người theo thuyết bất khả tri, thực tế không phải là người không tin mà là tin vào hư vô. Họ là người tin vào hư vô siêu hình. Nhưng ngay cả khi như thế, thì vẫn có một điều gì đó hoạt động khiến tâm hồn bí mật mẫn mẫn một “bản thể từ chính mình” (*ens a se*), tìm kiếm một thực tại tự tồn tại nằm bên trên và đằng sau kính vạn hoa của những hình ảnh nhục dục khi chúng tác động vào bản ngã. Họ không thực hiện hành vi tôn giáo và còn tích cực phản kháng, bám víu vào vẻ bề ngoài giả tạo của sự vật. Đó là những kẻ thờ ơ với tôn giáo.

4. Một vài nhận xét

Thứ nhất, hành vi tôn giáo không thể qui giản là hoàn toàn nội tại do bởi tâm lý học. Bất kì nền thần học hay siêu hình học nào suy luận từ nhu cầu, ước muốn đều hoàn toàn khó hiểu. Scheler nhấn mạnh hành vi tôn giáo cũng không thể qui giản hay được rút ra từ các hành vi tôn giáo. Vì tự bản chất, hành vi tôn giáo hoàn toàn khác với những hành vi khác. Scheler đã sử dụng thuật ngữ tiếng Đức *Aufweis* và nguyên tắc tự chứng minh (*self-evident*) để khẳng định rằng, hành vi tôn giáo là một kinh nghiệm có thực với một đối tượng thần linh – một đối tượng có ý hướng, dù là thực thể hay giá trị tuyệt đối thì đều rõ ràng với tâm trí con người; hay đối tượng ấy hiện lên trong tâm trí như là mối tương quan của một hành vi có ý hướng giữa con người và đối tượng đó.²⁸

Thứ hai, nơi hành vi tôn giáo, chỉ có thần linh mới hoàn thành ý hướng của nó trong cách thức của cái “đã cho,” mà mặc khải là một phương thức của nó. Nghĩa là, sự tồn tại của điều thiêng liêng hay Chúa là trao ban cho con người. Con người đón nhận và hướng lên. Vì thế, sự tồn tại của Chúa không phải là điều chứng minh bằng bằng chứng hay tư duy logic của phái thực chứng và duy cảm, cũng như theo cách của Kant được. Bởi lẽ này, với những ai chưa có kinh nghiệm tôn giáo thì không thể chứng minh cho họ rằng Chúa tồn tại. Nhưng có thể

²⁵ Ibid., 269.

²⁶ Ibid., 269.

²⁷ Ibid., 269-270.

²⁸ Ibid., 22.

tuan theo phương pháp sư phạm là chỉ ra cho người ta thấy những sai lầm và ảo tưởng khi biến ngẫu tượng thành Chúa.

Thứ ba, Scheler cho rằng: “Mọi tinh thần hữu hạn đều tin vào Chúa hoặc ngẫu tượng.”²⁹ Theo phát biểu này, thì hành vi tôn giáo là hiện tượng phổ quát cho mọi người, mở ra chiều kích tồn tại mới cho con người. Đặc biệt, những người theo chủ nghĩa vô thần cũng không ngoại lệ. Họ từ chối sự tồn tại của Thiên Chúa nhưng không có nghĩa là họ không có ý hướng thiêng liêng hay không có hành vi tôn giáo. Nhưng có điều là họ sẽ thất vọng, chứ không có niềm hy vọng vào điều họ chưa bao giờ kinh nghiệm, mà nơi hành vi tôn giáo hứa hẹn cho con người, đó là một ý tưởng về Chúa. Còn những người theo thuyết bất khả tri tin vào chủ nghĩa hư vô siêu hình, rốt cục là những kẻ thờ ơ với hành vi tôn giáo, vì cho rằng con người không thể biết chắc chắn là có Chúa. Quan điểm của Scheler là luôn có ý định về cái tuyệt đối, đối tượng phải là tuyệt đối; con người tìm kiếm tới một ý tưởng về Chúa. Tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng, con người vẫn có khả thể rơi vào sai lầm, là nạn nhân của ảo tưởng khi thay Chúa bằng những ngẫu tượng – đối tượng hữu hạn như của cải, danh vọng, quyền lực. Tóm lại, liệu Chúa có tồn tại hay không, đó không phải là vấn đề, vấn đề mà hành vi tôn giáo muốn đề cập tới là khả năng của con người mở ra, đón nhận và vươn tới cái tuyệt đối, thiêng liêng và siêu việt. Vì thế, nó cũng phải xuất phát từ đối tượng thiêng liêng có nhân vị chứ không phải đấng siêu hình.

Thứ tư, không thể định nghĩa trừu tượng bản chất tôn giáo, Scheler đề nghị một cấu trúc gồm ba thành phần trong hành vi tôn giáo:³⁰ chủ thể có ý hướng, đối tượng, mối tương quan giữa chủ thể và đối tượng. Điều này mở ra khả thể đối thoại giữa các tôn giáo, những hình thức hành vi tâm linh khác trong bối cảnh của dòng chảy phát triển của lịch sử trong chúng. Lịch sử nhân loại và kinh nghiệm của con người chỉ ra một thực tế là con người luôn tin vào những điều tuyệt đối siêu việt, nhưng được kinh nghiệm theo nhiều cách thức khác nhau.

Như trong Ấn giáo:³¹ người Ấn cũng tin vào mặc khải và chính Thượng đế là người mặc khải cho các đạo sĩ, các đạo sĩ nghe và truyền thông lại cho những ai khao khát tìm và đạt đến Chân lý. Trong *Rig Veda*, người Ấn tin chỉ có một Đấng tối cao duy nhất, nhưng Ngài lại mang nhiều danh hiệu tùy thời, tùy nơi và tùy thuộc tâm thức của con người. Bên cạnh đó, Nương tai Vệ đà (*Atharva-Veda*) cũng nhìn nhận “Nguyên lý tối cao duy nhất” của toàn thể vũ trụ chính là Thần chủ thể tối cao. Kinh *Brihad-Aaraanyaka-Upanishad* cũng nói Thực tại tối cao ấy là *Brahman*; và đáp ứng nhu cầu sùng tín thì *Brahman* là một thực tại hữu ngã với

²⁹ Ibid., 267.

³⁰ Ibid., 161.

³¹ Lý Minh Tuấn, *Đông Phương Triết Học Cương Yếu*, (TP HCM: NXB Hồng Đức, 2014), 399 - 406.

những danh hiệu như: Thượng đế (*Ishvara*), Đấng sáng tạo - *Visvakarman*, Tinh thần tối cao – *Paramatman*... Kinh *Veda* nói: “Thực tại chỉ là Một nhưng các trí giả gọi bằng những tên khác nhau.” được tượng trưng bằng các thần linh. Các thần linh lại được qui tụ vào Ba ngôi tối linh, được tôn thờ làm Thượng đế toàn năng toàn tri sáng tạo, cai quản toàn thể vũ trụ vạn vật.

Hay trong Phật giáo, mặc dù không đặt niềm tin và tôn kính với vị Thần linh nào; nhưng Đức Phật Thích ca cũng nhìn nhận có một Thực tại tối cao. Tuy nhiên, ngài đã tạm gác bàn về siêu hình và Thực tại tối cao để chú trọng vào vấn đề giải thoát khỏi đau khổ, chứ không hề phi bác Thực tại tối cao hay chủ trương vô thần.³² Trong Trung Bộ kinh (*Majjhima-Nikaya*) có kể một câu chuyện giữa đức Phật và đệ tử *Malunkyaputta* bàn về vấn đề trên như sau: “Này *Malunkyaputta*, sở dĩ ta không giảng dạy cho con những kiến thức siêu hình vì những điều đó không có ích lợi gì cho sự giải thoát mọi nỗi thống khổ của cuộc đời; trái lại ta đã giảng dạy cho con chân lý Tứ diệu đế, vì đó là những điều cần thiết giúp cho con người tận trừ được mọi mầm đau khổ và đạt được hạnh phúc, yên vui hằng cửu.”³³

³² Lý Minh Tuấn, 495.

³³ Lê Xuân Khoa, *Tư Tưởng*, Viện đại học Vạn Hạnh, số 2 và 3, 126-127; Lý Minh Tuấn, 496-497.

Thư mục tham khảo

Conservative Judaism. New York: Rabbinical Assembly, etc., 1962.

Scheler, Max. *On the Eternal in Man*. USA: Routledge, 2017.

Tuấn, Lý Minh. *Đông Phương Triết Học Cương Yếu*. TP HCM: NXB Hồng Đức, 2014.

Khoa, Lê Xuân. *Tư Tưởng, số 2 và 3*. Sài Gòn: Viện đại học Vạn Hạnh, n.d.